

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **110** /2018/HS-PT

Ngày: 11-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/4/2018; ngày 20/4/2018 và ngày 11/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hồng T.

Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hồng T, sinh năm 1966, tại Hải Dương;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1937. Ông Bạc tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương kháng chiến vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, được tặng thưởng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng và con bà

Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; Có vợ tên: Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1972; Con: có 04 người con lớn nhất sinh năm:1994, nhỏ nhất sinh năm: 2013; Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là người thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 22/9/1995 bị Công an thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long xử lý vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng T:*

Ông **Phan Duy V** – Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt);

- *Bị hại có kháng cáo:*

Nguyễn Văn K, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, trong vụ án Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 13/08/2017 anh Nguyễn Văn K sinh năm 1976 ngụ ấp B, xã H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, chạy xe mô tô Biển số 66L1-30xx đến nhà của Nguyễn Hồng T rủ T đi uống rượu (khi đi anh K có để dưới yên xe mô tô 25.000.000 đồng để ngày 15/08/2017 sẽ đem trả tiền vay cho Ngân hàng). Anh K và T chạy xe mô tô đến quán “Thịt cây 9999” gần cầu Cái Côn thuộc địa phận xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, sau khi nhậu đến khoảng 18 giờ thì anh K đi ra nơi đậu xe mô tô của mình mở yên xe để lấy tiền trả tiền nhậu, lúc này có mặt T nên T nhìn thấy dưới yên xe mô tô của anh K có nhiều tiền. Sau khi trả tiền xong anh K rủ T và anh Q đến quán Karaoke “Phương Linh” thuộc khóm P, thị T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để hát Karaoke và nhậu tiếp.

Khi đến quán Karaoke Phương Linh, T bảo K đưa chìa khóa xe của anh K để T lấy tiền của anh K để dưới yên xe cất giữ dùm nhưng anh K không đồng ý. Sau đó T, anh K cùng vào phòng số 03 của Quán Karaoke Phương Linh kêu bia uống và hát Karaoke. Khoảng 05 phút sau thì T đi ra khỏi phòng Karaoke và đi đến xe

mô tô biển số 66L1- 30xx của anh K dùng chìa khóa xe mô tô của T mở yên xe mô tô của anh K để lấy tiền nhưng không mở được nên T kéo mạnh một bên yên xe (ở phần giữa yên xe) lòn tay vào dưới yên xe lấy được 01 cọc tiền rồi nhanh chóng cất số tiền này vào túi quần, sau đó trở lại phòng Karaoke nhậu tiếp với anh K và Q.

Đến khoảng 19 giờ 03 phút cùng ngày T lấy xe mô tô rời khỏi quán Karaoke về nhà đưa cho vợ T là Nguyễn Thị Hồng T1 cất giữ số tiền 14.600.000đ, T giữ lại một phần tiền đã lấy được của anh K rồi quay trở lại quán Karaoke Phương Linh tiếp tục uống bia và hát Karaoke với anh K và Q. Đến 19 giờ 45 phút cùng ngày T dùng số tiền đã lấy được của anh K để trả tiền hát Karaoke và tiền bia hết 900.000đ, cho các tiếp viên của quán 700.000đ rồi ra về trước không báo cho anh K biết. Còn anh K thì vẫn còn ở lại nhậu với anh Q và khi ra lấy xe mô tô về thì anh K mới phát hiện số tiền 25.000.000đ để dưới yên xe bị mất 21.300.000đ chỉ còn lại dưới yên xe số tiền 3.700.000đ nên trình báo với cơ quan Công an.

Đến khoảng 1 giờ ngày 14/08/2017 Công an đến nhà Nguyễn Hồng T mời T về trụ sở Công an làm việc, T đã thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của Nguyễn Văn K. Do T bị cơ quan Công an mời làm việc, Nguyễn Thị Hồng T1 mang số tiền 14.600.000đ do T đưa cất giữ giấu vào cái áo rách ném ở mương cạnh phía sau nhà. Khi cơ quan Công an mời T1 làm việc thì T1 chỉ cho con là Nguyễn Thị Hồng H nơi để số tiền này, sau đó Hương lấy 14.600.000đ này gói vào bịch ny long rồi chôn xuống cát cạnh khe tường sau nhà, khi cơ quan Công an đến thu hồi thì T1 kêu H lấy số tiền này giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Hồng T đã thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của anh Nguyễn Văn K và giao nộp lại số tiền 1.400.000đ hiện T còn giữ trong người. Cơ quan Điều tra cũng đã thu giữ số tiền 14.600.000đ T đưa Nguyễn Thị Hồng T1 (vợ T cất giữ).

Đối với anh Nguyễn Văn K khai bị mất trộm số tiền 21.300.000đ, còn Nguyễn Hồng T chỉ thừa nhận đã lấy trộm của anh K số tiền 17.600.000đ nhưng T cũng đồng ý bồi thường lại cho anh K số tiền bị mất là 21.300.000đ và anh K cũng đã nhận lại đủ số tiền trên và có đơn bãi nại đối với T.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Hồng T yêu cầu bị hại Nguyễn Văn K trả lại cho T số tiền 1.600.000đ là số tiền mà T đã trả tiền Karaoke, tiền nhậu và cho các tiếp viên trong quán.

Đối với Nguyễn Thị Hồng T1 và Nguyễn Thị Hồng H có hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng do T1 và H không biết số tiền 14.600.000đ do Nguyễn Hồng T đem về đưa cho T1 cất giữ là tài sản T trộm của người khác, nên không đặt ra xử lý về hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm b, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng T, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, bị hại Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo với nội dung xin cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, bị cáo Nguyễn Hồng T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng T xin thay đổi nội dung kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng T về việc xin được hưởng án treo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt mặc dù tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về việc bị cáo đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn K số tiền 21.300.000 đồng đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 mà án sơ thẩm chưa áp dụng, do tính chất hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này là chiếm đoạt số tiền lớn. Ngoài ra cũng không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hồng T.

Luật sư Phan Duy V bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng hết tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, do chỉ áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả và phạm tội lần đầu mà chưa áp dụng các tình tiết khác cho bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có công với cách mạng do có thời gian phục vụ trong quân đội từ năm 1979 đến năm 1989 theo quy định tại điểm x và điểm s Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; trong vụ án này bị hại cũng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh bị cáo khó khăn, con đông, bị cáo đã lớn tuổi, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố: Vào ngày 13/8/2017 khi nhậu cùng anh Nguyễn Văn K tại quán “Thịt cây 9999” địa chỉ: xã T, thành phố Vĩnh Long, bị cáo phát hiện anh K có để tiền dưới cốp xe mô tô Biển số 66L1-30xx của anh K. Nên khi anh K mời bị cáo và anh Q đến quán Karaoke “Phương Linh” địa chỉ: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để hát Karaoke và nhậu tiếp. Tại đây bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh K, nên lợi dụng lúc anh K đang hát Karaoke trong phòng, bị cáo lén lút đến chỗ xe của anh K dùng chìa khóa xe mình mở cốp xe anh K nhưng không mở được, nên bị cáo kéo mạnh một bên yên xe (ở phần giữa yên xe) lòn tay vào dưới yên xe lấy được 01 cọc tiền rồi nhanh chóng cất số tiền này vào túi quần, sau đó lấy xe mô tô rời khỏi quán Karaoke về nhà đưa cho vợ bị cáo là Nguyễn Thị Hồng T1 cất giữ số tiền 14.600.000đ, bị cáo giữ lại một phần tiền đã lấy được của anh K rồi quay trở lại quán Karaoke Phương Linh tiếp tục uống bia và hát Karaoke với anh K và anh Q, sau đó bị cáo tính tiền quán và về trước. Khi phát hiện bị mất tiền nên anh K trình báo với cơ quan Công an. Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình lén lút chiếm đoạt tiền của anh K với số tiền 21.300.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất trật tự trị an và hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo trong độ tuổi lao động, nhưng không chịu lao động chân chính để có thu nhập hợp pháp, chỉ vì tham lam muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu lợi ích của bản thân, bị cáo lợi dụng lúc bị hại không cảnh giác đã lén lút chiếm đoạt tiền của anh K.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo nhất thời phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 mà án sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo. Đồng thời xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình tù không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh và chống tội phạm. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Do hành vi phạm tội của bị cáo T được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018). So với quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999) là tương ứng nhau, thời điểm xét xử sơ thẩm thì Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết trong vụ án này là phù hợp theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa hôm nay bị hại Nguyễn Văn K vắng mặt sau khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án này, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi vì bị cáo T có đủ điều kiện được hưởng án treo như phân tích tại mục [3] nên kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa về việc đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo T cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận, riêng việc Luật sư đề nghị áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo T, xét thấy là không có cơ sở nên không chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Văn K xin cho bị cáo được cải tại không giam giữ nhưng tại phiên tòa hôm nay bị cáo thay đổi kháng cáo từ cải tạo không giam giữ thành xin hưởng án treo, xét đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; bị hại vắng mặt nên không thể hiện được ý chí của mình, tuy nhiên vẫn xem kháng cáo bị hại là tình tiết có lợi cho bị cáo, nên chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[7] Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng T và bị hại Nguyễn Văn K được chấp nhận, nên bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 và điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn K và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hồng T;

Sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng T, 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/5/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Hồng T cho UBND xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nơi bị cáo đang cư trú) giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Hồng T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng T và bị hại Nguyễn Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – (Vụ GD-KT 1)
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Châu Thành;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- UBND xã T, TP V;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi